

Số: 06 /BC-ĐDBQH

Bắc Kạn, ngày 16 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Nghị quyết số 23/2022/UBTVQH15 ngày 04/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2023; Kế hoạch số 59/KH-ĐGS ngày 11/10/2022 của Đoàn giám sát Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, Đoàn đại biểu Quốc hội chủ trì, phối hợp với Hội đồng nhân dân và UBMTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Kạn giám sát “Việc thực hiện Nghị quyết 88/2014/QH13 và Nghị quyết 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2014- 2022” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Đoàn giám sát được chia thành 02 Tổ, tiến hành giám sát trực tiếp tại 19 đơn vị và xem xét báo cáo của 43 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh¹.

Nhìn chung các đơn vị, địa phương thuộc đối tượng giám sát đã chấp hành nghiêm túc việc gửi báo cáo theo yêu cầu tại Kế hoạch số 86/KH- ĐDBQH ngày 19/12/2022 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; các đơn vị Đoàn giám sát đến làm việc trực tiếp đã chủ động phối hợp, tạo điều kiện làm việc với Đoàn giám sát. Tuy nhiên, có một số đơn vị gửi báo cáo chậm², có báo cáo chưa đánh giá rõ nội dung theo yêu cầu.

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn báo cáo kết quả giám sát, như sau:

1- Giám sát trực tiếp tại: UBND tỉnh; các sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo; UBND các huyện: Pác Nặm, Bạch Thông; các trường: Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học và THCS Nhận Môn, THPT Bộc Bó, THCS Khang Ninh, Phổ thông Dân tộc nội trú Ba Bể, Tiểu học & THCS Yên Dương, Tiểu học và THCS Lạng Sơn, THPT Na Rì, THCS Phú Thông, Tiểu học Sông Cầu, THPT Chuyên Bắc Kạn, Tiểu học Quảng Chu, THCS Đồng Tâm, Tiểu học & THCS Bằng Phúc, THPT Chợ Đồn.

- Giám sát qua xem xét báo cáo của các cơ quan, đơn vị: các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện: Ba Bể, Ngân Sơn, Chợ Đồn, Na Rì, Chợ Mới, thành phố Bắc Kạn; các trường học: TH&THCS Dương Quang, THCS Bắc Kạn, THCS Xuất Hoá, Tiểu học Nà Phặc, TH&THCS Thượng Ân, THCS Vân Tùng, PTDTBT THCS Lãng Ngâm, THPT Ngân Sơn, Tiểu học Thượng Giáo, THPT Ba Bể, Tiểu học Cao Tân, PTDTBT THCS Bằng Thành, Trường PTDT nội trú THCS Pác Nặm, PTDTBT TH Văn Vũ, TH&THCS Kim Lư, PTDT nội trú Na Rì, Trường Tiểu học Cẩm Giàng, Tiểu học Nguyên Phúc, TH&THCS Quang Thuận, THPT Phú Thông, Tiểu học thị trấn Bằng Lũng, TH&THCS Bằng Phúc, THCS Hoàng Văn Thụ, PTDT nội trú Chợ Đồn, THPT Bộc Bó, THPT Yên Hân, TH&THCS Tân Sơn, PTDTNT THCS Chợ Mới.

² UBND huyện Ba Bể, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch – Đầu tư.

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 88/2014/QH13 VÀ NGHỊ QUYẾT 51/2017/QH14 CỦA QUỐC HỘI VỀ ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG

I. Đánh giá việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trong giai đoạn 2014 - 2022

1. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật Quốc hội, Chính phủ, các bộ, cơ quan Trung ương

Các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành ban hành để triển khai Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 88, Nghị quyết số 51*) khá đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, rõ ràng, tạo cơ sở pháp lý để triển khai phù hợp với thực tế.

Các văn bản được ban hành có tính hiệu lực cao, kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn triển khai tại địa phương, góp phần thực hiện hiệu quả việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, đảm bảo mục tiêu tạo chuyên biên căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông; kết hợp dạy chữ, dạy người và định hướng nghề nghiệp; góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện cả về phẩm chất và năng lực, hài hòa đức, trí, thể, mỹ và phát huy tốt nhất tiềm năng của mỗi học sinh. Đồng thời, thực hiện đổi mới toàn diện mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục theo yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; khắc phục tình trạng quá tải; tăng cường thực hành và gắn với thực tiễn cuộc sống.

2. Đối với các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh

Qua giám sát cho thấy Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Kạn đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện, tuyên truyền các Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (CT, SGK GDPT) rộng khắp trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể từng nội dung, từng giai đoạn triển khai thực hiện Nghị quyết số 88 và Nghị quyết số 51; cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình, xây dựng lộ trình theo đúng hướng dẫn, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, giúp cho các cấp chính quyền và các cơ sở giáo dục thực hiện thuận lợi, đảm bảo đúng tiến độ và đạt yêu cầu chung.

Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của

Đảng đối với việc triển khai thực hiện CT, SGK GDPT mới trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết về phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020, giai đoạn 2021-2025; HĐND tỉnh đã ban hành 02 Nghị quyết; UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo ngành giáo dục, các cơ quan liên quan và các huyện, thành phố triển khai chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018: về đội ngũ nhà giáo; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; hướng dẫn chuyên môn dạy và học; công tác lựa chọn sách giáo khoa; việc biên soạn tài liệu giáo dục của địa phương; hướng dẫn về triển khai thực hiện Chương trình, sách giáo khoa các lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 6, lớp 7 và lớp 10 phù hợp với thực tiễn.

(Chi tiết danh mục văn bản đã ban hành theo phụ lục số 01 đính kèm)

II. Kết quả giám sát theo thẩm quyền về việc thực hiện Nghị quyết số 88 và Nghị quyết số 51 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông tại địa phương

1. Các hoạt động giám sát liên quan đến việc triển khai chương trình, sách giáo khoa mới tại địa phương

- Năm 2020, Đoàn ĐBQH tỉnh tổ chức giám sát chuyên đề “*Tình hình thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*” trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội khóa XIV.

- HĐND tỉnh thường xuyên giám sát việc thực hiện CT, SGK GDPT thông qua xem xét báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tại các kỳ họp thường kỳ hàng năm.

- Năm 2022, Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh tổ chức khảo sát, giám sát việc tổ chức mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu môn Tin học và Ngoại ngữ lớp 3 cho các trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới; chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo hàng năm tiến hành kiểm tra chuyên môn đối với các cơ sở giáo dục theo kế hoạch, trong đó tập trung kiểm tra, tư vấn hỗ trợ chuyên môn đối với việc dạy học theo Chương trình GDPT 2018. Trong giai đoạn 2014-2022, Sở GDĐT đã tiến hành 09 cuộc thanh tra hành chính, 58 cuộc thanh tra chuyên ngành, nhiều cuộc kiểm tra, tư vấn, hỗ trợ chuyên môn tại các phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục phổ thông về triển khai thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa.

2. Kết quả giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

2.1. Đánh giá việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

a) Về Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Tính phù hợp về mục tiêu, yêu cầu đổi mới: Qua giám sát, ngành giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh bước đầu khẳng định Chương trình đảm bảo tính phù hợp về mục tiêu, yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. Khi thực hiện CT, SGK GDPT năm 2018 bắt buộc giáo viên, học sinh phải thực hiện đổi mới phương pháp dạy, học, đổi mới kiểm tra, đánh giá góp phần khắc phục giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức. Chương trình đã kế thừa, phát triển những ưu điểm của CT, SGK GDPT hiện hành, khắc phục tình trạng quá tải, giúp học sinh làm chủ kiến thức, biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống. Tuy nhiên, một số bài học, môn học của chương trình mới giáo viên mất nhiều thời gian chuẩn bị bài giảng.

- Tính khả thi: Qua 03 năm học thực hiện CT, SGK GDPT 2018, tất cả các trường học trên địa bàn tỉnh đều triển khai thực hiện đảm bảo yêu cầu của chương trình. Ngành giáo dục và đào tạo đã giao các cơ sở giáo dục được chủ động trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, giáo viên được chủ động xây dựng kế hoạch phân phối số tiết học của bài dạy. Giáo viên đã tự chủ trong thực hiện chương trình, khai thác có hiệu quả sách giáo khoa, nguồn học liệu và các thiết bị, đồ dùng dạy học phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường. Học sinh bước đầu làm quen được với Chương trình, tiếp cận phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá mới; hầu hết các đối tượng học sinh đều có khả năng tiếp thu được. Mặc dù vậy các điều kiện về cơ sở vật chất để đáp ứng thực hiện chương trình mới còn rất hạn chế, nhất là với địa phương còn nhiều khó khăn như tỉnh Bắc Kạn.

b) Về triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Về xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục: Qua giám sát cho thấy, các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh đã xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục ngay từ đầu mỗi năm học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT phù hợp với đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường; xác định mục tiêu giáo dục của từng trường; bố trí thời gian thực hiện Chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh.

Tuy nhiên, tỉnh chưa triển khai được nội dung môn học tự chọn đối với Tiếng dân tộc thiểu số và Ngoại ngữ 2. Vì theo văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT³ chỉ có chương trình GDPT môn tiếng Bahnar, Chăm, Ê đê, Khmer, Jrai,

³ Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Bahnar, Tiếng Chăm, Tiếng Êđê, Tiếng Jrai, Tiếng Khmer, Tiếng Mông, Tiếng Nông, Tiếng Thái; Văn bản số 5720/BGDĐT-GDDT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc tổ chức dạy học

Mnông, Mông, Thái trong khi tiếng dân tộc thiểu số phổ biến ở vùng Đông Bắc như tiếng Tày, Nùng, Dao chưa được đưa vào chương trình, học sinh trên địa bàn tỉnh không có nhu cầu học; tỉnh cũng chưa có giáo viên được đào tạo dạy tiếng dân tộc thiểu số; còn đối với môn học Ngoại ngữ 2, tỉnh chưa có đủ giáo viên để dạy môn Ngoại ngữ nên chưa có điều kiện để triển khai hoạt động này.

- Về việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá: Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đã bám sát và thực hiện đúng việc đánh giá, xếp loại học sinh theo quy định của Bộ GDĐT đối với từng cấp học⁴. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh thông qua hoạt động trên lớp, qua hồ sơ học tập, vở học tập kết hợp đánh giá trong quá trình dạy học, giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kỳ, đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và nhận xét, góp ý của học sinh. Việc đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá học sinh theo định hướng phát triển năng lực đã giúp học sinh giảm bớt áp lực, tự tin, mạnh dạn hơn khi tham gia các hoạt động học tập và rèn luyện ở lớp, ở trường.

Ngành giáo dục và đào tạo tỉnh đã tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách cho giáo viên.

- Việc đổi mới phương pháp dạy học: Ngành giáo dục và đào tạo tỉnh đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp dạy học; nâng cao chất lượng và hình thức sinh hoạt chuyên môn theo trường, cụm trường, cụm huyện, theo khối⁵. Giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu... Các cơ sở giáo dục đã triển khai hiệu quả công tác đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận năng lực; tổ chức các phương pháp dạy học linh hoạt; rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa, tài liệu; đa dạng hoá các hình thức truyền thụ kiến thức thông qua hoạt động nhóm, sân khấu hoá, trò chơi, tăng thời gian luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, hoạt động trải nghiệm... nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Học sinh sau THCS được các cơ sở giáo dục định hướng nghề nghiệp theo Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ

tiếng dân tộc thiểu số; Văn bản số 681/BGDĐT-GDTH ngày 4/3/2020 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo chương trình GDPT 2018.

⁴ 100% cơ sở giáo dục tiểu học đã thực hiện đánh giá học sinh lớp 1 theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT. Đối với học sinh lớp 2, 3, 4, 5 thực hiện đánh giá học sinh theo quy định tại Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014, Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GDĐT. Đối với cấp THCS, THPT thực hiện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT.

⁵ Sở GDĐT đã thành lập Hội đồng bộ môn cấp THPT, tổ tư vấn hỗ trợ chuyên môn cấp THCS, khối chuyên môn các Phòng GDĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề đối với việc triển khai và việc tổ chức dạy học theo Chương trình GDPT 2018.

thông giai đoạn 2018-2025” của tỉnh⁶.

Mặc dù có những thuận lợi, song việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở một số ít giáo viên còn chuyển biến chậm; một số ít giáo viên chưa thật sự thuần thục trong vận dụng các thiết bị, kỹ thuật dạy học hiện đại; việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học ở một số đơn vị còn hạn chế.

- Việc đổi mới về quản trị các cơ sở giáo dục: Cán bộ quản lý các nhà trường về cơ bản đáp ứng được đổi mới công tác quản trị qua tập huấn và bồi dưỡng thường xuyên, yêu cầu thay đổi quản trị gắn liền với những đổi mới của Chương trình GDPT 2018. Bước đầu thực hiện có hiệu quả tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị; giao quyền tự chủ cho các tổ chuyên môn và giáo viên trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với thực tiễn, đối tượng học sinh; linh hoạt, sáng tạo trong vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, lựa chọn nội dung giáo dục nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đề ra. Hầu hết các trường đã tạo được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, dân chủ.

Sau gần 3 năm triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018, cơ bản giáo viên đều thực hiện có chất lượng việc xây dựng kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực; vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học tích cực trong giảng dạy; việc kiểm tra, đánh giá học sinh từng bước đem lại hiệu quả. Sự tiến bộ của học sinh không chỉ thấy ở vùng thuận lợi mà còn thấy rõ ở vùng còn khó khăn, nhiều học sinh đã tích cực, chủ động tham gia các giờ học/hoạt động giáo dục, mạnh dạn, tự tin hơn. Kết quả giáo dục phổ thông qua các năm và năm học gần nhất (2021-2022) cho thấy chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn tiếp tục có bước chuyển biến tích cực, tỷ lệ học sinh có học lực khá, giỏi các cấp học tăng hơn, tỷ lệ học lực yếu, kém giảm đáng kể⁷.

⁶ Ban hành kèm theo Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 của UBND tỉnh và Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 về việc điều chỉnh, bổ sung một số mục tiêu và nhiệm vụ trong Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 1085/QĐ-UBND.

⁷ + Cấp Tiểu học: Lớp 1, 2: Môn Toán: Hoàn thành tốt 70,59%; Hoàn thành 29,07%; Chưa hoàn thành 0,34%. Môn Tiếng Việt: Hoàn thành tốt 65,49%; Hoàn thành 34,07%; Chưa hoàn thành 0,44%. Kết quả giáo dục: Hoàn thành xuất sắc 34,32%; Hoàn thành tốt 23,02%; Hoàn thành 42,22%; Chưa hoàn thành 0,44%.

Lớp 3, 4, 5: Môn Toán: Hoàn thành tốt 47,19%; Hoàn thành 52,75%; Chưa hoàn thành 0,06%. Môn Tiếng Việt: Hoàn thành tốt 42,77%; Hoàn thành 57,14%; Chưa hoàn thành 0,09%. Chương trình lớp học: Hoàn thành 99,90%; Chưa hoàn thành 0,10%.

+ Cấp THCS: Lớp 6: Hạnh kiểm Tốt 84,90%, Khá 12,52%, Đạt 2,57%, Chưa đạt 0,02%. Học lực Tốt 9,53%, Khá 34,69%, Đạt 50,43%, Chưa đạt 5,35%.

Lớp 7, 8, 9: Hạnh kiểm Tốt 86,79%, Khá 11,47%, TB 1,70%, Yếu 0,03%. Học lực Giỏi 11,97%, Khá 42,31%, Trung bình 43,67%, Yếu 2,03%, Kém 0,02%.

+ Cấp THPT: Hạnh kiểm: Tốt 83,15% (tăng 1,65%), Khá 13,35% (giảm 1,17%), Trung bình 2,97% (giảm 0,52%), Yếu 0,71% (tăng 0,03%).

Học lực: Giỏi 9,34% (tăng 1,27%), Khá 49,38% (tăng 1,48%), Trung bình 37,92% (giảm 3,05%), Yếu 3,33% (giữ nguyên), Kém 0,03% (giữ nguyên).

2.2. Đánh giá sách giáo khoa giáo dục phổ thông và việc xây dựng tài liệu giáo dục của địa phương.

a) Đánh giá về sách giáo khoa giáo dục phổ thông

Nhìn chung các bộ sách giáo khoa được biên soạn theo đúng quy định của Chương trình các môn học/hoạt động giáo dục⁸. Sách giáo khoa được các cơ sở giáo dục lựa chọn có ngôn ngữ và cách thức thể hiện phù hợp, đảm bảo tính mở, triển khai nội dung cơ bản phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện dạy học hiện tại của các cơ sở giáo dục tại địa phương. Cấu trúc nội dung các bài học trong sách giáo khoa được thể hiện khoa học, hiện đại, sinh động, thuận lợi cho việc triển khai hoạt động dạy và học, đảm bảo các yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT 2018; có tác dụng thúc đẩy học sinh học tập tích cực, chủ động rèn luyện khả năng tư duy sáng tạo, độc lập, có thể tự học, tự tìm tòi kiến thức, đồng thời có thể phát triển kỹ năng hợp tác của học sinh. Cách thiết kế bài học, chủ đề trong sách giáo khoa đã hỗ trợ, tạo điều kiện để giáo viên đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và đổi mới hình thức tổ chức dạy học.

Qua giám sát cho thấy, một số nơi có điều kiện thuận lợi thì nhà trường và phụ huynh cho rằng giá sách giáo khoa tương đối hợp lý. Còn phần lớn đánh giá giá sách giáo khoa mới cao hơn giá sách giáo khoa của chương trình trước và khá cao so với điều kiện kinh tế, mức sống, thu nhập bình quân của nhân dân địa phương, nhất là đối với các khu vực có điều kiện KT-XH khó khăn, hộ nghèo, cận nghèo.

b) Việc lựa chọn sách giáo khoa

- Việc lựa chọn sách giáo khoa tại địa phương được các cơ sở giáo dục lựa chọn theo danh mục sách giáo khoa quy định⁹. UBND tỉnh đã ban hành quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh¹⁰; thành lập các Hội đồng lựa chọn SGK; phê duyệt danh mục SGK GDPT được sử dụng trên địa bàn tỉnh. Giáo viên các trường được tham gia Hội đồng lựa chọn SGK, được nghiên cứu, đề xuất lựa chọn bộ SGK phù hợp với đối tượng học sinh và nhà trường. Các nhà xuất bản đã chủ động phối hợp với ngành giáo dục và đào tạo tỉnh giới thiệu sách mẫu, tập huấn, bồi dưỡng giáo viên các trường sử dụng SGK. Việc cung ứng, phát hành SGK đã được tổ chức tương đối bài bản, khoa học.

Tuy nhiên, việc lựa chọn SGK trong cơ sở giáo dục phổ thông năm học

+ Công tác PCGD-XMC của tỉnh tiếp tục được củng cố và nâng cao. Năm 2022, tỉnh tiếp tục duy trì đạt chuẩn PCGDMNTNT, duy trì đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3, duy trì đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 1 và duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1.

⁸ Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT.

⁹ Thông tư số 01/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020, Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT.

¹⁰ Quyết định số 2329/QĐ-UBND ngày 22/12/2020; Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020

2021-2022 thời gian đầu còn có lúng túng do văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT có sự thay đổi¹¹. Việc nghiên cứu, đánh giá để lựa chọn SGK ở các địa phương, trường học còn khó khăn do hằng năm Bộ GDĐT phê duyệt các bộ sách giáo khoa chậm, số bộ sách nhiều và được phê duyệt ở nhiều thời điểm khác nhau; các nhà trường không có bản mẫu sách in để nghiên cứu, cơ bản là nghiên cứu trên sách điện tử, sách mềm, qua online; thiếu giáo viên chuyên ngành khi tổ chức lựa chọn sách giáo khoa các môn Nghệ thuật, Công nghệ. Việc truy cập đường link do các nhà xuất bản cung cấp để vào một số trang sách mềm của các bộ sách giáo khoa còn bị lỗi. Thời gian tổ chức hội thảo giới thiệu sách và tập huấn cho giáo viên về chương trình, SGK mới thường diễn ra trong năm học, ảnh hưởng đến kế hoạch giảng dạy, gây khó khăn cho giáo viên; việc lấy ý kiến của cha mẹ học sinh trong lựa chọn sách giáo khoa còn chưa bài bản, hiệu quả.

(Chi tiết kết quả lựa chọn SGK theo Phụ lục số 02 đính kèm)

- Việc thực hiện xã hội hóa sách giáo khoa: UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các địa phương huy động các nguồn lực để hỗ trợ sách giáo khoa cho học sinh thuộc đối tượng chính sách, học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; học sinh hộ nghèo và cận nghèo, đảm bảo tất cả học sinh có đầy đủ sách giáo khoa trước khi vào năm học mới. Một số trường học đã thực hiện tốt công tác vận động và nhận được sự tài trợ sách giáo khoa, thiết bị dạy học của các tổ chức, cá nhân hỗ trợ¹², tuy nhiên kết quả hỗ trợ chưa nhiều¹³.

c) Việc phát hành sách giáo khoa, tài liệu tham khảo trên địa bàn

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các đơn vị trường học phối hợp với đơn vị cung ứng¹⁴ để đảm bảo giáo viên và học sinh có đủ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo ngay từ đầu năm học.

d) Việc xây dựng, biên soạn, thẩm định, in và phát hành tài liệu giáo dục của địa phương.

- Việc xây dựng, biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục địa phương được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GDĐT¹⁵. Tại thời điểm giám sát, tài liệu giáo

¹¹ Việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 năm học 2020-2021 thực hiện theo Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT với 05 bộ sách giáo khoa; từ năm học 2021-2022 thực hiện theo Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT có thay đổi về quy trình lựa chọn SGK (thành lập Hội đồng lựa chọn SGK), số lượng bộ sách lớp 2 theo phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo có khác so với sách giáo khoa lớp 1 (từ 5 bộ thành 3 bộ).

¹² Trường Tiểu học Nguyễn Phúc, Trung tâm GDTX-GDNN huyện Bạch Thông; trường Tiểu học Quảng Chu, Trường Tiểu học Cao Tân...

¹³ Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã tài trợ sách giáo khoa cho học sinh thuộc đối tượng chính sách, học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; học sinh hộ nghèo và cận nghèo trong toàn tỉnh (năm học 2021-2022, hỗ trợ 500 bộ SGK lớp 1, 2 6; năm học 2022-3023, hỗ trợ 150 bộ sách giáo khoa lớp 3, 7 và lớp 10).

¹⁴ Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn được Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam lựa chọn để ký hợp đồng là đơn vị duy nhất làm nhiệm vụ cung ứng sách giáo khoa, sách bổ trợ, sách tham khảo, thiết bị giáo dục và các sản phẩm giáo dục tại tỉnh.

¹⁵ Thông tư 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 quy định về việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương; Quyết định số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/201; Công văn số 1106/BGDĐT-GDTrH ngày 20/3/2019 về việc biên soạn và tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong Chương trình giáo dục phổ thông; Công văn số

dục địa phương đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt¹⁶ trước khi đưa vào sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông. Tuy nhiên, việc phát hành tài liệu giáo dục địa phương chưa thực hiện được do vướng mắc trong khâu thẩm định giá, đến nay các cơ sở giáo dục dùng bản điện tử (bản PDF) đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt để giảng dạy.

2.3. Đánh giá các điều kiện bảo đảm triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018

a) Về đội ngũ nhà giáo:

Tỉnh thường xuyên tổ chức rà soát đội ngũ giáo viên các cấp để xác định nhu cầu giáo viên trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên, đảm bảo ổn định các điều kiện về đội ngũ cho các khối lớp thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên các cơ sở giáo dục:

Qua giám sát cho thấy, số lượng người làm việc được giao trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục phổ thông của tỉnh thấp hơn định mức quy định tại Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/8/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập (*đầu năm 2022, ngành GDĐT tỉnh thiếu 785 người theo định mức*), hằng năm tỉnh phải thực hiện cắt giảm tối thiểu 10% tổng biên chế theo tỷ lệ (*so với biên chế được giao năm 2015*), nên không có đủ biên chế để giao cho các cơ sở giáo dục.

Tính đến thời điểm sơ kết học kỳ 1 năm học 2022-2023, đội ngũ viên chức tại các cơ sở giáo dục công lập từ cấp mầm non đến THPT và các trung tâm trên địa bàn tỉnh có tổng số 6.563 người, trong đó viên chức là 6.473 người (*cán bộ quản lý 636, giáo viên 5.248, nhân viên 589*) và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (HĐ 68) là 90 người. So với định mức, năm học 2022-2023 còn thiếu 273 giáo viên phổ thông¹⁷.

Đội ngũ nhà giáo chưa đồng bộ về cơ cấu, chủng loại theo từng môn học, thiếu giáo viên dạy các môn tích hợp, các môn học mới theo Chương trình GDPT 2018 (*môn Lịch sử và Địa lí, môn Khoa học tự nhiên ở cấp THCS*), đặc biệt là giáo

3536/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong chương trình GDPT 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020-2021.

¹⁶ Tài liệu GDĐP: lớp 1 phê duyệt theo Quyết định số 2437/QĐ-BGDĐT ngày 20/7/2021; lớp 2 phê duyệt theo Quyết định số 3647/QĐ-BGDĐT ngày 17/10/2021; lớp 6 phê duyệt theo Quyết định số 3090/QĐ-BGDĐT ngày 06/10/2021 và lớp 7 phê duyệt theo Quyết định số 3874/QĐ-BGDĐT ngày 27/11/2022 của Bộ GD&ĐT; lớp 10 phê duyệt theo Quyết định số 4602/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ GD&ĐT

¹⁷ Trong đó thiếu: 125 giáo viên cấp tiểu học (17 giáo viên Tiếng Anh, 26 giáo viên Tin học và Công nghệ, 82 giáo viên các môn Tiểu học, Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể dục); 102 giáo viên cấp THCS (16 giáo viên Lịch sử và Địa lý, 14 giáo viên Khoa học tự nhiên, 72 giáo viên các môn Tiếng Anh, Toán, Ngữ văn, Âm nhạc, Mỹ thuật...); 46 giáo viên THPT (05 giáo viên Âm nhạc, 06 giáo viên Mỹ thuật, 31 giáo viên các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử...).

viên dạy môn Tin học và Công nghệ, Tiếng Anh đối với lớp 3¹⁸... do đó có giáo viên phải dạy vượt định mức, dạy chéo môn¹⁹.

Để đảm bảo giáo viên giảng dạy, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở GD&ĐT, UBND các huyện, thành phố thực hiện việc điều động, luân chuyển giáo viên giữa các trường; bố trí giáo viên dạy liên trường, dạy liên cấp²⁰, nhiều trường đã hợp đồng thêm giáo viên để đáp ứng yêu cầu tối thiểu giáo viên giảng dạy; đối với một số môn học mới chưa có nguồn tuyển (Lịch sử và Địa lý, Khoa học tự nhiên cấp THCS) Sở GD&ĐT và các địa phương đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận giáo viên các phân môn với tổng nhu cầu tuyển dụng và tiếp nhận là 228 giáo viên phổ thông.

(Chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)

- Về chất lượng đội ngũ: Cơ bản cán bộ quản lý, giáo viên toàn ngành có trình độ tương đối đồng đều, vững vàng về tư tưởng chính trị, mẫu mực về phẩm chất, đạo đức, lối sống, thường xuyên được cập nhật phương pháp giảng dạy, kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu khoa học, góp phần hoàn thành mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Số giáo viên đạt chuẩn và đang tham gia đào tạo để đạt chuẩn theo Luật Giáo dục 2019 đạt 91,87%; còn 330 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ và chưa tham gia đào tạo theo quy định (*chiếm tỷ lệ 8,13%*).

- Công tác tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên, hợp đồng lao động: UBND tỉnh đã chỉ đạo bố trí, bổ sung biên chế, chỉ tiêu tuyển dụng cho những trường còn thiếu, ưu tiên tuyển dụng giáo viên cho những môn học mới ở các cấp học nhằm đảm bảo đủ giáo viên giảng dạy.

Trong năm học 2019-2020 và 2020-2021, Sở Giáo dục và Đào tạo và UBND các huyện đã tổ chức 02 đợt tuyển dụng giáo viên, nhân viên cho các cơ sở giáo dục trực thuộc theo phân cấp quản lý. Công tác tuyển dụng được thực hiện thống nhất theo đúng quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành có liên quan và phân cấp của UBND tỉnh, không xảy ra tình trạng tuyển dụng, tiếp nhận vượt quá chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao cho các cơ quan, đơn vị; việc tuyển dụng được thực hiện đảm bảo công bằng, công khai, nghiêm túc, đúng quy chế, quy định của Chính phủ. Qua tổ chức tuyển dụng đã tuyển được 625 viên chức có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn (*trong đó xét đặc cách 62 giáo viên*); riêng năm 2021, tuyển dụng được 206 giáo viên các cấp học, các môn học mới không tuyển đủ so

¹⁸ Cấp tiểu học có 91/114 trường có giáo viên Tiếng Anh với 105 giáo viên; 12/114 trường có giáo viên Tin học với 12 giáo viên.

¹⁹ Trường TH&THCS Bằng Phúc bố trí giáo viên Toán dạy Thể dục, Mỹ Thuật; Trường PTDTBT TH và THCS Nhạn Môn bố trí giáo viên môn cơ bản dạy môn Công nghệ, Âm nhạc; Trường Tiểu học & THCS Yên Dương bố trí giáo viên dạy không đúng chuyên môn các môn Địa lý, Công nghệ, KHTN, GD&ĐT, Mỹ thuật...

²⁰ 13 trường có giáo viên dạy liên trường, 17 trường có giáo viên dạy liên cấp.

với chỉ tiêu cần tuyển²¹.

Việc sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cấp học đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành. Tuy nhiên, do cơ cấu giáo viên chưa đồng bộ, chưa đủ giáo viên chuyên để dạy đúng các môn theo chương trình, một số giáo viên phải dạy chéo môn; một số ít giáo viên bố trí chưa đủ số giờ dạy/tuần theo quy định mà phải kiêm nhiệm thêm các công việc khác như (*Bí thư/Phó Bí thư Đoàn Thanh niên, Thư ký Hội đồng, Tổng phụ trách đội, công tác Công đoàn ...*); có giáo viên chậm đổi mới, năng lực chuyên môn hạn chế... nên ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai chương trình.

Việc tiếp nhận, luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức và bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ cán bộ lãnh đạo quản lý đúng quy trình, dân chủ, công khai, kịp thời. Tuy nhiên, việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp cho giáo viên sang hạng chức danh nghề nghiệp mới chưa thực hiện được do quá trình triển khai Thông tư số 01, 02, 03, 04/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non và phổ thông công lập còn nhiều bất cập, vướng mắc về xác định thời gian giữ hạng của giáo viên...

- Việc bố trí giáo viên dạy các môn tích hợp, các môn học mới theo Chương trình GDPT 2018:

Tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị bố trí, sắp xếp linh hoạt đội ngũ giáo viên hiện có để đảm bảo thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo quy định, bố trí giáo viên dạy liên trường, liên cấp, điều chuyển giáo viên từ nơi thừa sang nơi thiếu, triển khai rà soát, xác định nhu cầu giáo viên giảng dạy các môn học mới để tham gia các chương trình bồi dưỡng của Bộ GD&ĐT²². Qua tổng hợp, năm 2023 các đơn vị đã thực hiện đăng ký bồi dưỡng với tổng số 561 giáo viên²³; tổ chức rà soát, đăng ký nhu cầu đào tạo liên thông trình độ đại học chuyên ngành còn thiếu giáo viên ở các cấp học và có 58 giáo viên đăng ký²⁴; tổ chức thống kê số sinh viên của tỉnh đang theo học sư phạm các chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học, Nghệ thuật để xác định nguồn tuyển dụng giáo viên cho địa phương.

b) Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Cơ sở vật chất: Tỷ lệ phòng học được kiên cố hoá trên địa bàn tỉnh thấp: Cấp

²¹ Giáo viên Tiếng Anh cấp tiểu học là 15/30, giáo viên Tin học cấp tiểu học là 11/25, giáo viên Tiếng Anh cấp THCS là 06/19, giáo viên Tin học cấp THCS là 03/04, giáo viên Tiếng Anh cấp THPT là 02/03.

²² Theo Quyết định số 2453/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2021 về bồi dưỡng giáo viên Tin học dạy môn Tin học và Công nghệ ở tiểu học; Quyết định số 2454/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2021 về bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên; Quyết định số 2455/QĐ-BGDĐT ngày 21/7/2021 về bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Lịch sử và Địa lí.

²³ Môn Tin học 75 giáo viên, Lịch sử và Địa lí 210 giáo viên, Khoa học tự nhiên 276 giáo viên.

²⁴ Tin học 17 giáo viên, Mĩ thuật 24 giáo viên, Âm nhạc 15 giáo viên, Nghệ thuật 1 giáo viên, Tiếng DTTS 1 giáo viên.

mầm non đạt 65%, cấp tiểu học đạt 53%, cấp trung học đạt 81%; số phòng học bán kiên cố, xuống cấp, hết niên hạn sử dụng ở cấp học mầm non, tiểu học lớn (mầm non 35%, tiểu học 47%); nhu cầu đồng bộ hạ tầng cơ sở vật chất các trường học trên địa bàn rất lớn nhất là nhu cầu kiên cố hóa lớp học với 1.112 phòng lớp học (gồm: 106 phòng lớp học mầm non, 388 phòng lớp học tiểu học, 182 phòng lớp học THCS và 436 phòng làm nhà công vụ).

Các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh đang sử dụng cơ sở vật chất hiện có để sắp xếp, bố trí thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 6, lớp 7 và lớp 10. Nhiều trường học chưa đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ dạy học theo chương trình, thiếu phòng học, phòng học hỗ trợ học tập, phòng học đa chức năng²⁵ và các công trình phụ trợ, phải sử dụng hoặc cải tạo phòng học bộ môn, phòng thiết bị, thư viện... nên không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định; một số lớp học được xây dựng từ lâu có diện tích quá nhỏ, ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động dạy học theo nhóm.

(Chi tiết theo Phụ lục số 04 đính kèm)

- Về trang thiết bị dạy học: Các huyện, thành phố đã tổ chức mua sắm bổ sung một số thiết bị, đồ dùng cần thiết trang cấp cho các trường học như tủ đựng tài liệu, giá sách, bàn ghế phòng họp hội đồng nhà trường, giường học sinh, các thiết bị dùng chung (*máy tính, máy chiếu, thiết bị âm thanh, phần mềm tin học, dụng cụ thể thao...*). Tỉnh đã quan tâm, bố trí nguồn vốn từ các chương trình, dự án của Trung ương, nguồn vốn địa phương đầu tư mua sắm trang thiết bị thực hiện Chương trình GDPT 2018 cho các trường học.

2.4. Về kinh phí thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT

- Vốn đầu tư phát triển: Giai đoạn 2016-2020 đạt gần 693 tỷ đồng, giai đoạn 2021-2022 đạt trên 225 tỷ đồng.

- Nguồn chi thường xuyên: Từ năm 2018 đến năm 2022, UBND tỉnh đã bố trí kinh phí đối với các nhiệm vụ lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề của tỉnh là 6.599,528 tỷ đồng, chiếm khoảng 33% tổng chi cân đối ngân sách địa phương. Trong đó, kinh phí để thực hiện nhiệm vụ đổi mới chương trình, sách giáo khoa theo Chương trình GDPT 2018 là 186,286 tỷ đồng, chiếm khoảng 3% tổng chi ngân sách địa phương cho các hoạt động:

+ Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục: 3,672 tỷ đồng.

+ Kinh phí đảm bảo cơ sở vật chất cho GDPT: 174,130 tỷ đồng.

+ Kinh phí thâm định tài liệu giáo dục của địa phương: 0,439 tỷ đồng.

²⁵ Khối Tiểu học: số phòng tạm: 47, số phòng nhờ, mượn, thuê: 11. Khối Trung học cơ sở: số phòng tạm: 25, số phòng nhờ, mượn, thuê: 5, Khối Trung học phổ thông: Số phòng căn bản sung: 112

+ Kinh phí thực hiện các Chương trình, Đề án, dự án khác được Thủ tướng chính phủ giao, nhiệm vụ địa phương thực hiện đổi mới chương trình, SGK GDPT: 8.027 tỷ đồng.

Trong giai đoạn 2021-2025, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp các trường học trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh ban hành Đề án đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 10/9/2021*) với tổng nhu cầu kinh phí là 1.284,279 tỷ đồng. Tuy nhiên, do hạn chế về nguồn lực đầu tư được cấp từ ngân sách trung ương, trong giai đoạn 2021-2025, tổng nguồn vốn bố trí đạt khoảng 1.084 tỷ đồng dự kiến đầu tư cho trên 90 trường học các cấp trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên tập trung đầu tư cơ sở vật chất cho 60 trường học đạt chuẩn quốc gia gắn với mục tiêu xây dựng 56 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025.

Dự kiến kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 theo (*Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021*) thực hiện Tiểu dự án 1- Dự án 5: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, trường PTDTBT, trường phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số là 197,680 tỷ đồng.

III. Đánh giá chung

1. Về ưu điểm và hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông tại địa phương

a) Ưu điểm

- Công tác chỉ đạo thực hiện Chương trình GDPT 2018 kịp thời, sát sao, quyết liệt. Công tác tuyên truyền việc đổi mới chương trình SGK GDPT được thực hiện nghiêm túc, đến nay đã tạo được sự đồng thuận, không để xảy ra dư luận xấu và bức xúc trong nhân dân.

- Việc triển khai Chương trình GDPT 2018 được thực hiện đầy đủ ở các cấp học đối với tất cả các môn theo quy định, đảm bảo đúng lộ trình và yêu cầu. Việc tổ chức dạy và học trong các nhà trường bước đầu có kết quả tốt; giáo viên đã từng bước áp dụng được các phương pháp, kỹ thuật dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; nề nếp dạy học theo chương trình mới đã ổn định, tạo được sự chủ động, tự tin trong học tập cho học sinh, không chỉ ở vùng thuận lợi mà còn thấy rõ sự tiến bộ của học sinh ở vùng còn khó khăn; nhiều học sinh đã tích cực, chủ động tham gia các giờ học, các hoạt động giáo dục và đạt kết quả tốt, chất lượng giáo dục đảm bảo mục tiêu đề ra.

- Công tác rà soát, sắp xếp lại đội ngũ giáo viên, nhân viên được thực hiện cùng với việc tổ chức tuyển dụng giáo viên theo chỉ tiêu, cơ cấu còn thiếu; các trường linh hoạt trong bố trí giáo viên hiện có, từng bước khắc phục những bất cập về đội ngũ giáo viên các cấp, nhất là cấp học phổ thông.

- Công tác lựa chọn sách giáo khoa, biên soạn tài liệu giáo dục địa phương được triển khai nghiêm túc, đúng hướng dẫn.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học thực hiện Chương trình GDPT 2018 được các cấp ủy, chính quyền quan tâm đầu tư; các trường chủ động sử dụng lại trang thiết bị dạy học của chương trình cũ, có bổ sung theo yêu cầu và nguồn lực của địa phương; nhiều giáo viên linh hoạt, sáng tạo trong việc tự chuẩn bị đồ dùng, thiết bị dạy học... để đáp ứng yêu cầu của chương trình.

- Ngành giáo dục và đào tạo tỉnh thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, tư vấn các cơ sở giáo dục phổ thông trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và triển khai linh hoạt, phù hợp thực tế địa phương, đúng tinh thần chương trình mới; triển khai tốt việc giảng dạy trực tuyến qua đó góp phần đảm bảo kiến thức cho học sinh trong thời gian dịch bệnh xảy ra.

b) Tồn tại, hạn chế, khó khăn

- Công tác tuyên truyền về chủ trương đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT chưa thật sự toàn diện, hiệu quả, còn nhiều phụ huynh và một số cán bộ quản lý, giáo viên chưa nắm chắc, hiểu sâu yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn thiếu nhiều so với quy định, một số bộ bàn ghế học sinh (*4 chỗ ngồi kiểu cũ*) không phù hợp với mô hình học tập theo nhóm, cơ sở vật chất trường lớp học của nhiều trường chưa đáp ứng yêu cầu. Thiết bị dạy học lớp 2,3,6,7 và 10 chưa được cung cấp đầy đủ, ảnh hưởng đến chất lượng triển khai chương trình, nhất là đối với các môn Tiếng Anh và Tin học, các môn có thí nghiệm, thực hành. Việc tổ chức mua sắm trang thiết bị dạy học đã được các địa phương triển khai, tuy nhiên không có nhà thầu tham gia đấu thầu để cung ứng thiết bị dạy học.

- Đội ngũ giáo viên tại một số trường còn thiếu, biên chế được giao thấp hơn định mức quy định; cơ cấu đội ngũ ở trường có quy mô nhỏ, có số lớp và biên chế ít chưa hợp lý²⁶. Việc triển khai một số nội dung theo chương trình giáo dục mới còn lúng túng, bị động nhất là phải bố trí nhiều giáo viên dạy môn tích hợp, môn tự chọn. Giáo viên dạy môn Tiếng Anh và môn Tin học thiếu nguồn tuyển và

²⁶ Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập quy định cơ cấu đội ngũ đối với các trường học do đó các trường có quy mô nhỏ không đủ cơ cấu về giáo viên, nhân viên thư viện, thiết bị, công nghệ thông tin, văn thư, kế toán....

thiếu giáo viên đủ điều kiện về trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục 2019, mặt khác các trường có nhiều điểm trường cách xa nhau cũng khó khăn cho việc bố trí giáo viên và thiết bị dạy học hai môn này. Một bộ phận giáo viên chậm tiếp cận và áp dụng phương pháp giảng dạy mới, vẫn theo tư duy của chương trình cũ, nặng về truyền đạt, thiếu tính chủ động và ứng dụng.

- Chưa tổ chức được nhiều hội thảo về tổ chức dạy học theo Chương trình GDPT 2018.

- Việc biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục địa phương còn gặp nhiều khó khăn như: Đội ngũ tác giả là người địa phương trực tiếp biên soạn tài liệu chưa có nhiều kinh nghiệm; thời gian biên soạn, thẩm định và ban hành tài liệu giáo dục địa phương chậm.

c) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và các bộ, ngành liên quan chưa kịp thời, đồng bộ; công tác tuyên truyền chưa thật sự rộng khắp và có nhiều đổi mới.

- Nguồn ngân sách của tỉnh còn hạn chế, điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, việc huy động các nguồn lực của tỉnh và các nguồn vốn xã hội hoá đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất theo yêu cầu của chương trình. Trong quá trình tổ chức mua sắm trang thiết bị dạy học còn vướng mắc về quy định, thủ tục đấu thầu nên năm 2022 một số trường chưa thực hiện được.

- Công tác chỉ đạo và chuẩn bị đội ngũ giáo viên dạy các môn học mới của Chương trình GDPT 2018 (môn tích hợp, Tiếng Anh, Tin học, Nghệ thuật...) thiếu chủ động, nên khó khăn cho việc tuyển dụng và bố trí giáo viên giảng dạy tại các nhà trường. Công tác tập huấn về phương pháp, kỹ năng giảng dạy cho giáo viên còn ít.

- Áp lực, yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới rất cao (*soạn bài theo chương trình mới, có ít tài liệu tham khảo; các trường có quy mô nhỏ, thiếu giáo viên nên một giáo viên phải soạn giảng nhiều giáo án cho một buổi lên lớp*), tuy nhiên chưa có chế độ đãi ngộ, khuyến khích, tạo động lực cho giáo viên tâm huyết với công việc. Một số giáo viên lớn tuổi, hạn chế về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới trong dạy học; một số ít giáo viên chưa thật sự tâm huyết, trách nhiệm với nghề.

- Dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến tiến độ triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới, nhất là công tác tập huấn, giảng dạy và học tập của giáo viên, học sinh và việc biên soạn, thẩm định, ban hành tài liệu giáo dục địa phương. Việc in ấn, ban hành tài liệu còn vướng mắc trong khâu thẩm

định giá, chưa có hướng dẫn đầy đủ, cụ thể về quy trình thực hiện.

2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội

- Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Bộ, ngành liên quan quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương chuẩn bị các điều kiện đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Ngành Giáo dục và Đào tạo tinh tập trung làm tốt vai trò của cơ quan thường trực trong công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp trong triển khai, thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ số lượng, đúng cơ cấu, đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp; chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định; tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo và đào tạo lại, duy trì bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên nhằm đáp ứng yêu cầu chuẩn trình độ, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý.

- Chính quyền các cấp quan tâm hơn nữa việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học theo hướng đạt chuẩn quốc gia nhằm áp dụng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo. Chủ động huy động các nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các nguồn tài trợ, viện trợ để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường học.

- Nhà trường cần chủ động, tích cực thực hiện tốt công tác xã hội hoá, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; xây dựng đội ngũ giáo viên trách nhiệm, tâm huyết, tích cực ứng dụng các phương pháp giảng dạy mới, chủ động trong kế hoạch giảng dạy.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và toàn xã hội về quan điểm đổi mới và lộ trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

3. Những bài học kinh nghiệm rút ra trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội

- *Một là*, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc quán triệt, triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo kế hoạch, lộ trình.

- *Hai là*, đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng cường quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục trong việc tìm tòi những giải pháp hữu hiệu để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- *Ba là*, tập trung ưu tiên nguồn ngân sách và huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu đổi mới; thực hiện kịp thời, hiệu quả việc rà soát, tuyển dụng, bố trí, sắp xếp đội ngũ; nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, coi trọng việc tự học, tự bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; thực hiện tốt chế độ, chính sách thu hút gắn với công tác thi đua - khen thưởng.

- *Bốn là*, đánh giá, rút kinh nghiệm việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, tập trung đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Tăng cường tổ chức đa dạng, linh hoạt các hoạt động chuyên đề, sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn theo trường, cụm trường, cụm huyện và cấp tỉnh.

- *Năm là*, tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và chính quyền địa phương trong triển khai, thực hiện Chương trình GDPT 2018, để làm tốt hơn nữa công tác xã hội hóa giáo dục, tạo môi trường ngày càng tốt hơn cho học sinh phát triển toàn diện cả về thể lực, học lực, trí lực.

PHẦN II GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

1. Giải pháp

1.1. Nhóm giải pháp về xây dựng chính sách, pháp luật và giám sát thực hiện.

- Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan xem xét có chính sách phát triển đội ngũ giáo viên, đảm bảo bố trí đủ định mức biên chế theo yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; có chính sách đãi ngộ, hỗ trợ giáo viên phù hợp.

- Tiếp tục ban hành các chủ trương, chính sách đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở GDPT; tăng cường xã hội hóa giáo dục, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục, cung cấp các dịch vụ giáo dục, hỗ trợ cho việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác đổi mới chương trình, sách giáo khoa GDPT từ trung ương đến cơ sở, kịp thời giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong triển khai, thực hiện chương trình.

1.2. Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước và triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Tăng cường trao quyền chủ động cho các nhà trường, linh hoạt trong việc thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình GDPT 2018, đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hỗ trợ tư

vấn cho các nhà trường trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tiếp tục tổ chức rà soát đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nguồn tuyển dụng có để xác định nhu cầu và xây dựng phương án đào tạo, tuyển dụng phù hợp đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu cán bộ quản lý, giáo viên tại các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018 theo lộ trình; xây dựng kế hoạch tuyển dụng đủ biên chế được giao hằng năm; chủ động phối hợp với các Trường Sư phạm để đặt hàng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy các môn còn thiếu đảm bảo thực hiện chương trình.

- Chỉ đạo chặt chẽ việc biên soạn, thẩm định sách giáo khoa, thẩm định giá sách; tiếp tục hướng dẫn, kiểm tra công tác lựa chọn sách giáo khoa đảm bảo hiệu quả, đúng quy định của pháp luật; tổ chức tập huấn hướng dẫn thực hiện chương trình sách giáo khoa cho 100% giáo viên trước khi năm học mới bắt đầu.

- Các cơ sở giáo dục: Chủ động rà soát, chuẩn bị đủ đội ngũ triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với các khối lớp đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; lựa chọn giáo viên để ưu tiên tập huấn, bồi dưỡng về phương pháp tổ chức dạy học, sử dụng sách giáo khoa mới và xây dựng kế hoạch dạy học; tích cực đổi mới quản lý, tăng cường thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý, dạy và học.

- Chỉ đạo thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông ở các cấp học, tập trung đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Tăng cường tổ chức đa dạng, linh hoạt các hoạt động chuyên đề, sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn theo trường, cụm trường, cụm huyện và cấp tỉnh, các hoạt động giáo dục, dạy học ngoài lớp học.

1.3. Nhóm giải pháp về đầu tư các nguồn lực cho công tác bảo đảm chất lượng giáo dục phổ thông.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học theo hướng đạt chuẩn quốc gia nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; thực hiện lồng ghép nguồn lực của các chương trình MTQG, các nguồn lực xã hội hóa để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, đề án tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục, đảm bảo đủ phòng học và các phòng chức năng tiêu chuẩn; ưu tiên cung ứng thiết bị dạy học theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để phục vụ chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa mới.

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích giáo viên có nhiều đóng góp trong thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Triển khai việc trả lương theo vị trí công việc đảm nhiệm, không thực hiện chi trả lương theo thâm niên như hiện nay do thực tế đội ngũ giáo viên trẻ, tiếp cận nhanh, hoàn thành tốt nhiều nhiệm vụ, yêu cầu của chương trình thì lương thấp.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Quốc hội

Xem xét, thực hiện chính sách tăng tiền lương đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục cho phù hợp với nội dung Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI “*Có chế độ ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục để đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục yên tâm công tác và thu hút được học sinh giỏi vào ngành sư phạm*”. Việc áp dụng hệ thống thang bảng lương hiện hành chưa theo vị trí việc làm và tính chất, mức độ phức tạp của công việc, trong khi mức lương cơ sở còn thấp so với mức lương tối thiểu, khoảng cách giữa các bậc lương còn thấp, do đó bộ phận giáo viên trẻ có thu nhập thấp hơn lương tối thiểu vùng nên không thu hút được người vào công tác trong ngành giáo dục.

2.2. Đối với Chính phủ

- Đối với các tỉnh còn nhiều khó khăn, ngân sách còn hạn hẹp (như tỉnh Bắc Kạn), đề nghị Chính phủ tiếp tục quan tâm, tăng nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ để triển khai thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025 đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định 1346/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 để đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học theo yêu cầu đổi mới Chương trình, sách giáo khoa GDPT 2018 theo lộ trình.

- Xem xét bổ sung thẩm quyền cho UBND cấp tỉnh trong thực hiện Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm, trong đó yêu cầu các sinh viên đã được cử đi học có cam kết sau khi tốt nghiệp phải về địa phương công tác để đảm bảo bổ sung nguồn tuyển dụng giáo viên cho các địa phương, đặc biệt đối với các tỉnh còn gặp nhiều khó khăn.

- Có ý kiến với Bộ Chính trị xem xét, giao bổ sung biên chế giáo viên còn thiếu theo định mức cho tỉnh Bắc Kạn theo khoản 3 Điều 1 Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị để bảo đảm đủ số lượng giáo viên đứng lớp trong giai đoạn từ 2023-2026 (*Cụ thể: Năm 2023 bổ sung 143 biên chế; Năm 2024 bổ sung 337 biên chế; Năm 2025 bổ sung 515 biên chế; Năm 2026 bổ sung 689 biên chế*). Đồng thời, tiếp tục rà soát biên chế và kiến nghị với cấp có thẩm quyền điều chỉnh biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN giữa các đơn vị, địa phương để bảo đảm sự cân đối và phù hợp; có cơ chế đặc thù trong việc giao biên chế hưởng lương từ NSNN đối với các tỉnh miền núi, vùng cao, điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, chưa có đủ điều kiện tăng nguồn thu sự nghiệp để giao tăng biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp.

2.3. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Đẩy nhanh thời gian phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương quy định tại Thông tư 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sau khi được UBND tỉnh đề nghị phê duyệt tài liệu, để đảm bảo tài liệu được đưa vào sử dụng kịp tiến độ năm học.

- Sớm ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung các Thông tư số 01, 02, 03, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, THCS, THPT công lập để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện bảo đảm quyền lợi của giáo viên.

- Xem xét ban hành văn bản thay thế Thông tư số 08/TT ngày 21/3/1988 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về việc khen thưởng và thi hành kỷ luật học sinh các trường phổ thông, vì hiện nay một số quy định trong Thông tư 08/TT đã không đáp ứng định hướng giáo dục kỷ luật tích cực học sinh phổ thông theo chương trình giáo dục mới.

- Giao nhiệm vụ cho các trường sư phạm, các cơ sở giáo dục thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên chưa đạt chuẩn, giáo viên dạy các môn học còn thiếu để các thầy cô giáo đạt chuẩn về trình độ theo quy định của việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Báo cáo, đề xuất Chính phủ xem xét:

+ Có chính sách hỗ trợ sách giáo khoa cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; có văn bản hướng dẫn cụ thể quy trình in, phát hành tài liệu giáo dục địa phương.

+ Điều chỉnh quy định số lượng Phó hiệu trưởng trong các cơ sở giáo dục công lập²⁷ dựa trên số lớp, loại hình trường để bảo đảm số lượng cán bộ quản lý thực hiện nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý (*ví dụ như trường chuyên biệt, trường tiểu học có nhiều điểm trường, trường có số lượng lớp nhiều thì cần tăng số lượng quản lý*).

+ Có chính sách hỗ trợ đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập tại các tỉnh miền núi còn gặp nhiều khó khăn; đối với những đối tượng không trực tiếp tham gia giảng dạy nhưng đang thực hiện nhiệm vụ tại các cơ sở GD&ĐT (*nhân viên thiết bị, y tế, thư viện...*).

2.4. Đối với Bộ Nội vụ

Phối hợp với các Bộ liên quan trình Chính phủ xem xét không thực hiện cắt giảm biên chế giáo viên đối với ngành GD&ĐT; sớm hoàn thiện, ban hành quy định về định mức biên chế GD&ĐT trong đó phải tính đến yếu tố đặc thù của các tỉnh miền núi, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế - xã hội

²⁷ Quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

khó khăn, địa lý không thuận lợi,... để quy định định mức giáo viên theo sĩ số học sinh/lớp bảo đảm phù hợp với thực tế tại các địa phương.

2.5. Đối với Bộ Tài chính: Xem xét quy định nâng mức thù lao cho những người tham gia biên soạn tài liệu giáo dục địa phương theo Thông tư 51/2019/TT-BTC ngày 15/8/2019 của Bộ Tài chính về kinh phí biên soạn, thẩm định tài liệu giáo dục của địa phương thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Vì mức thù lao hiện nay thấp, chưa thu hút được các chuyên gia giỏi tham gia biên soạn.

2.6. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo định kỳ tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị để đánh giá kết quả thực hiện việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; tiếp tục quan tâm chỉ đạo, có giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế, bất cập hiện nay về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học,... để việc triển khai, thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đảm bảo lộ trình, hiệu quả, chất lượng.

- Có giải pháp chỉ đạo các địa phương tuyển đủ số biên chế giáo viên đã được HĐND tỉnh giao, đảm bảo ổn định số lượng, bố trí giáo viên đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông phổ thông mới, nhất là giáo viên môn Tin học, Tiếng Anh, Mỹ thuật; quan tâm bố trí các nguồn lực, tạo điều kiện cho công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên đảm bảo trình độ đạt chuẩn theo quy định Luật Giáo dục năm 2019; định kỳ hằng năm tổ chức xét hoặc thi thăng hạng chức danh nghề cho giáo viên.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp, dồn ghép điểm trường, học sinh các điểm lẻ về điểm chính hoặc điểm trung tâm phù hợp với điều kiện địa lý và dân cư từng địa phương, nghiên cứu xây dựng thêm nhà bán trú để đảm bảo điều kiện cho học sinh đi học.

- Tăng cường chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018, tránh lãng phí NSNN; có hướng dẫn chi tiết, cụ thể việc mua sắm trang thiết bị cho các trường học (*như mua sắm thiết bị nhà ăn, bếp ăn... trong nguồn vốn CTMTQG vùng ĐBDTTS&MN*) để địa phương thực hiện.

- Chỉ đạo các đơn vị, địa phương đẩy nhanh triển khai thực hiện có hiệu quả các nguồn vốn của chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông đã được cấp có thẩm quyền giao.

2.7. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết 88/2014/QH13 và Nghị quyết 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương

trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông phổ thông có hiệu quả, đúng lộ trình.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục và đào tạo rà soát cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học để tham mưu cho UBND tỉnh và phối hợp với UBND cấp huyện tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp trường, lớp học, các phòng học bộ môn, phòng chức năng; mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, thiết bị giáo dục phục vụ dạy và học để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông phổ thông 2018.

- Tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể, chi tiết các cơ sở giáo dục thực hiện lựa chọn sách giáo khoa phù hợp thực tế địa phương; tổ chức tập huấn bồi dưỡng về đổi mới chương trình, sách giáo khoa cho đội ngũ giáo viên hợp đồng, tăng cường các lớp tập huấn cho giáo viên về phương pháp, kỹ năng nhận diện để xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp khi tham gia dạy học chương trình, sách giáo khoa mới.

- Sớm tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức phát hành tài liệu giáo dục địa phương để phục vụ việc dạy và học theo yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông phổ thông.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết 88/2014/QH13 và Nghị quyết 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông phổ thông trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và UBMTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Kạn./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các vị đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng giám sát (theo Kế hoạch số 86/KH-ĐDBQH ngày 19/12/2022 của Đoàn ĐBQH tỉnh);
- Thành viên Đoàn giám sát (theo QĐ số 01/QĐ-ĐDBQH ngày 10/01/2023 của Đoàn ĐBQH tỉnh);
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng CTQH, HĐND;
- Lưu: VT, HSCV (Thêm-02 bản).

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN



Hồ Thị Kim Ngân